

Bản án số: 01/2019/DSST.

Ngày: 17/01/2019.

V/v: T/c hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Quang Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Minh.

2. Bà Dương Thị Nam.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Không tham gia.

Ngày 17/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/TL – ST ngày 18/10/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXX – ST ngày 08/01/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Phi C, sinh năm 1959 (Có mặt tại phiên toà).

Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968 (chị Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Phi C,).

Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Ông Dương Viết B, sinh năm 1969 (Có mặt tại phiên toà).

Trú tại: Tổ dân phố U, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.+

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Nguyễn Phi C trình bày: Ông có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Dương Viết B. Năm 2012 và năm 2013 ông Dương Viết B có đến vay của vợ chồng ông 05 mã tiền, cụ thể:

- Ngày 29/9/2012 vay 30.000.000đ;
- Ngày 15/10/2012: vay 30.000.000đ;
- Ngày 27/12/2012 vay 40.000.000đ;
- Ngày 23/4/2013: vay 30.000.000đ;
- Ngày 21/6/2013: vay 100.000.000đ.

Tổng cộng: 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng); Ngày 16/10/2012 ông Dương Viết B trả được cho ông 10.000.000đ, còn nợ lại 220.000.000đ. Đến hạn trả nợ, ông đã đến gia đình anh Dương Viết B đòi rất nhiều lần, nhưng ông Dương Viết B chỉ khất nợ mà không trả cho ông số tiền nêu trên. Nay ông yêu cầu ông Dương Viết B phải trả lại cho ông số tiền gốc là 220.000.000đ và lãi suất chậm trả từ khi vay đến thời gian giải quyết vụ án.

- Ông Dương Viết B khai: Do có mối quan hệ quen biết, nên ông có chơi với vợ chồng ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T 03 cái phùng; một cái là 5.000.000đ; một cái là 30.000.000đ; và một cái là 3.000.000đ. Trong quá trình đóng phùng, bà Nguyễn Thị T vợ ông Nguyễn Phi C đã không giải quyết cho ông lấy lần nào, nên ông không có tiền để đóng tiếp, ông Nguyễn Phi C, bà Thúy yêu cầu ông viết giấy biên nhận vay tiền của vợ chồng ông bà ấy, để theo tiếp số phùng tháng như đã nêu ở trên. Tổng số tiền ông phải viết giấy biên nhận để đóng phùng là 230.000.000đ. Ngày 16/10/2012 ông đã trả cho bà Thúy 10.000.000đ. Vậy tổng số tiền viết giấy biên nhận nợ là 220.000.000đ. Số tiền trên ông đã phải trả lãi suất là 200% trên năm, và ông đã trả lãi đến hết tháng 8/2013, đến tháng 9/2013 do số lãi và số nợ quá cao, nên ông không có khả năng chơi phùng tiếp, và ông cũng không trả được nợ cho ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T. Đến cuối năm 2013 do ông không trả được số tiền 220.000.000đ, ông Nguyễn Phi C, bà

Nguyễn Thị T đã làm đơn kiện ông ra Tòa án nhân dân huyện P. Trong lần kiện đó, ông đã xuống nhà ông Nguyễn Phi C hòa giải và đã đưa ra số phưởng của ông đã nộp cho bà Nguyễn Thị T còn cao hơn số tiền ông viết giấy biên nhận nợ cho ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T. Do đó ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T đã rút đơn về, và từ đó không đòi ông nữa, nay không hiểu vì lý do gì mà ông Nguyễn Phi C lại làm đơn kiện ông đòi số tiền là 220.000.000đ. Đến thời điểm này, ông vẫn chưa được bà Nguyễn Thị T giải quyết cho ông lấy phưởng nên số tiền ông viết giấy biên nhận nợ ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T vẫn chưa trả được.

- Bà Nguyễn Thị T khai: Trước đây bà với ông Nguyễn Phi C là vợ chồng, năm 2017 bà với ông Nguyễn Phi C ly hôn. Trước khi ly hôn, vợ chồng bà đã thỏa thuận về việc phân chia tài sản, trong đó có khoản nợ của ông Dương Viết B ở Tổ dân phố U, thị trấn H, huyện P nợ ông bà các mã như sau:

- + Ngày 03/9/2012 vay 30.000.000đ;
- + Ngày 29/9/2012 vay 30.000.000đ;
- + Ngày 27/12/2012 vay 40.000.000đ;
- + Ngày 24/4/2013 vay 30.000.000đ;
- + Ngày 21/6/2013 vay 100.000.000đ.

Tổng cộng: 230.000.000đ; Ngày 16/10/2012 ông Dương Viết B trả được 10.000.000đ, còn nợ lại ông bà số tiền gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng), bà xác định số tiền này là tiền riêng của ông Nguyễn Phi C, ông phải có trách nhiệm đòi số tiền trên. Khi xét xử, bà đề nghị Tòa án giao số tiền trên cho ông Nguyễn Phi C toàn quyền sử dụng, bà không có tranh chấp gì số tiền trên với ông Nguyễn Phi C.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các bên đương sự không thoả thuận được việc thời gian trả tiền và số tiền cụ thể phải thanh toán hàng tháng. Nên Toà án phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên toà ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn, ông Dương Viết B là bị đơn, bà Nguyễn Thị T có đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Phi C toàn quyền giải quyết vụ việc đòi nợ ông Dương Viết B tại Tòa án, có chứng thực của UBND thị trấn H, huyện P, nên được coi là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về tài liệu chứng cứ: Do ông Nguyễn Phi C nộp: 05 giấy biên nhận vay tiền giữa ông Dương Viết B với bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phi C, cụ thể: Ngày 03/9/2012 vay 30.000.000đ; ngày 29/9/2012 vay 30.000.000đ; ngày 27/12/2012 vay 40.000.000đ; ngày 24/4/2013 vay 30.000.000đ; ngày 21/6/2013 vay 100.000.000đ; 01 giấy ủy quyền ngày 31/01/2018 của bà Nguyễn Thị T cho ông Nguyễn Phi C. Phía ông Dương Viết B không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

[4]. Xuất phát do có mối quan hệ quen biết nên năm 2012 và 2013, ông Dương Viết B có vay của ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T 05 mã tiền, tổng cộng là 230.000.000đ, có viết giấy biên nhận nợ, thỏa thuận thời gian thanh toán nợ theo các tài liệu chứng cứ do ông Nguyễn Phi C nộp tại Tòa án. Ngày 16/10/2012 ông Dương Viết B trả được 10.000.000đ, còn nợ lại ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 220.000.000đ. Do ông Dương Viết B không thực hiện theo cam kết giữa hai bên, không thanh toán nợ cho ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T đúng hạn nên ông Nguyễn Phi C có đơn khởi kiện ông Bình tại Tòa án nhân dân huyện P.

Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Phi C nộp các tài liệu chứng cứ gồm 05 giấy biên nhận vay tiền của ông Dương Viết B đối với ông Nguyễn Phi C và bà Nguyễn Thị T, ông Dương Viết B xác nhận có được ký giấy vay 05 mã tiền nêu

trên đối với ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T. Nhưng ông Dương Viết B cho rằng việc ông ký nhận vay 05 mã tiền trên là để sau này tiếp tục được chơi phường thàng với bà Nguyễn Thị T. Sau khi ký giấy vay tiền thì bà Nguyễn Thị T không cho ông nhận tiền phường, do đó ông không có tiền chơi phường, mặt khác số tiền ông trả lãi hàng tháng đối với số tiền vay 230.000.000đ với ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T đã quá số tiền vay của ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T.

Hội đồng xét xử nhận định: Việc ông Dương Viết B ký giấy vay 05 mã tiền của ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T là có thật, trong các hợp đồng vay tiền không thể hiện là tiền chơi phường, quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Nguyễn Phi C vẫn khẳng định đây là số tiền mà ông Dương Viết B vay chứ không phải là tiền chơi phường, phía ông Dương Viết B không đưa ra được chứng cứ nào cho rằng đây là tiền ông chơi phường với bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phi C và cũng không đưa ra được chứng cứ nào xác định việc ông đã trả được cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phi C số tiền vượt quá số tiền mà ông ký xác nhận vay 05 mã tiền nêu trên. Mặt khác Hội đồng xét xử nhận định trong quá trình vay tiền của ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T, ông Bình đã trả 01 mã 10.000.000đ cho ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T vào ngày 16/10/2012, tại biên bản hòa giải ngày 11/12/2018 ông Dương Viết B xác nhận còn nợ của ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T số tiền 220.000.000đ, nhưng khi nào lấy được tiền phường của bà Nguyễn Thị T thì mới có tiền trả cho ông Nguyễn Phi C. Nên có căn cứ việc ông Bình vay ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T tiền là có thật, do đó cần phải buộc ông Dương Viết B trả cho ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T số tiền 220.000.000đ. Còn việc ông Dương Viết B với bà Nguyễn Thị T nộp tiền chơi phường với nhau như thế nào, nếu ông Dương Viết B đưa ra được tài liệu chứng cứ, thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi ông Dương Viết B có đơn khởi kiện tại Tòa án.

[5]. Hiện nay ông Nguyễn Phi C với bà Nguyễn Thị T đã ly hôn, mặc dù số tiền trên ông Dương Viết B vay ông Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị T, nhưng quá

trình khởi kiện vụ án tài Tòa án nhân dân huyện P, bà Nguyễn Thị T đã có đơn ủy quyền toàn bộ cho ông Nguyễn Phi C giải quyết việc đòi nợ với ông Dương Viết B. Mặt khác, bà Nguyễn Thị T có lời khai tại Tòa án, bà xác định số tiền 220.000.000đ mà ông Dương Viết B còn nợ bà với ông Nguyễn Phi C, thì số tiền này ông bà đã thỏa thuận từ trước khi ly hôn, số tiền này là của ông Nguyễn Phi C, ông phải có trách nhiệm đòi nợ ông Dương Viết B, bà không còn liên quan đến số tiền này. Số tiền này ông Nguyễn Phi C đòi được thì ông được toàn quyền sử dụng, bà không có ý kiến gì.

[6]. Về lãi suất: Tại phiên Tòa ngày hôm nay, ông Nguyễn Phi C không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền ông Bình vay của ông đến thời điểm xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là sự tự nguyện của ông Nguyễn Phi C, nên chấp nhận lời đề nghị của ông Nguyễn Phi C. Không tính lãi suất số tiền vay của ông Dương Viết B đối với ông Nguyễn Phi C từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử.

[7]. Lãi suất chậm trả: Do các đương sự không thỏa thuận được lãi suất tại giai đoạn thi hành án. Nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định của Bộ Luật dân sự để giải quyết vụ án.

[8]. Về án phí: Buộc ông Dương Viết B phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[9]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng điều luật: Căn cứ vào các điều 26, 35, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 2 Điều 357, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi C. Buộc ông Dương Viết B phải có trách nhiệm trả ông Nguyễn Phi C số tiền gốc là 220.000.000(Hai trăm hai mươi triệu đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bình không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Viết B phải nộp 11.000.000đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả ông Nguyễn Phi C số tiền 5.500.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P(biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000618 ngày 18/10/2018)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt hai bên đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- THA DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Thái

